

HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN CÂY LƯƠNG THỰC VÀ CÂY THỰC PHẨM TRONG THỜI GIAN QUA VÀ PHƯƠNG HƯỚNG TỚI

VŨ TUYÊN HOÀNG

TRONG thời gian qua, Viện cây lương thực và cây thực phẩm đã có một số thành tựu bước đầu đóng góp cho sản xuất. Từ những năm đầu xây dựng, Viện đã cố gắng phục vụ sản xuất thông qua một số biện pháp kỹ thuật về giống cây lương thực, thực phẩm. Các thao tác kỹ thuật (như cách cấy giữa tay, thẳng hàng, dùng cào cỏ cải tiến; việc vận động xây dựng bờ vùng, bờ thửa...) do Viện đề ra đã có tác dụng nhất định trong thời gian đầu hợp tác hóa nông nghiệp ở quy mô thôn.

Thời kỳ này, Viện đã đưa ra sản xuất giống lúa chiêm 314 (do lai tạo), các giống lúa NN8-338 (do chọn lọc từ giống IR8 nhập nội), các giống lúa nhập nội NN22, NN23; các giống cây thực phẩm nhập nội như: dưa hấu số 1 và số 2, dưa bạch lê, dưa chuột số 27, v.v... Trong những năm đầu, những giống này đưa ra sản xuất chủ yếu là giống nhập nội từ nước ngoài; hoặc trong quá trình nhập nội có thêm tác dụng chọn lọc, còn việc lai tạo giống, lúc này mới có kết quả bước đầu.

Những năm gần đây, công tác lai tạo giống ở Viện đã phát triển mạnh, đi đôi với việc nhập nội và chọn lọc giống. Các giống lúa do ta lai tạo như NN75-1 (còn gọi là 184) có đặc tính: thấp cây, năng suất 32-40 tạ/ha, đang phát triển, thay dần giống 314 cao cây và năng suất thấp hơn; giống ngắn ngày NN75-6 (thời gian sinh trưởng 90 ngày trong vụ mùa) cho năng suất 30-40 tạ/ha, phẩm chất gạo tốt, là giống có nhiều tác dụng đối với việc tăng vụ hiện nay ở các tỉnh phía bắc (hai vụ lúa, một vụ màu). Giống NN75-6 có thể gieo vụ xuân, thời gian sinh trưởng 110 ngày, năng suất cao hơn vụ mùa (35-50 tạ/ha). NN75-6 đưa ra khảo nghiệm rộng, mới từ vụ mùa năm 1978, chỉ đến vụ mùa 1979 có

nơi đã gieo cấy hàng nghìn hecta. Dự kiến năm 1980, giống này sẽ được phát triển đến hàng chục vạn hecta. Chọn lọc từ một giống lúa nhập nội, giống lúa số 2 hiện nay đang được khảo nghiệm trên diện tích rộng ở nhiều nơi. Đây là giống lúa chiêm xuân thấp cây, chịu rét hơn NN8, cho năng suất 45-60 tạ/ha. Dự kiến giống này có khả năng thay thế một phần diện tích của NN8 (vì trong vụ lúa xuân, NN8 chiếm tới 85-90% diện tích).

Về giống ngô, cơ sở tạo giống của Viện (Trại nghiên cứu ngô sông Bôi) đã đưa ra sản xuất giống ngô lai hỗn hợp số 2, các giống ngô lai tổng hợp 2A, 2B có thể đạt năng suất 30-40 tạ/ha trong sản xuất. Những giống này đang được phát triển rộng trên diện tích hàng nghìn hecta ở các vùng núi, đồng bằng phía bắc và Tây Nguyên. Giống ngô 524 chọn lọc từ một giống nhập nội, có tỷ lệ hạt/bắp=82%, có thể cho năng suất trên 40 tạ/ha, là giống có nhiều triển vọng, đang được đưa nhanh ra sản xuất. Về cây màu, Viện đã đưa ra sản xuất giống cao lương số 150, NSB-1 gieo trồng ở miền núi.

Qua nhiều năm khảo nghiệm giống khoai tây của Cộng hòa dân chủ Đức, Viện đã kết luận được một số giống thích hợp với điều kiện nhiệt đới nước ta: Kardia, Risa, Mariella, và gần đây, thêm giống Karpina. Những giống này có thể cho năng suất 150 tạ đến trên 200 tạ/ha trong vụ đông ở các tỉnh phía bắc; trong điều kiện trồng ở Đà Lạt, Lâm Đồng. Viện đặt kế hoạch nhân nhanh các giống khoai tây để đưa vào diện sản xuất rộng. Dùng phương pháp phá ngủ khoai tây sau khi thu hoạch bằng Giberillin được thí nghiệm từ 3 vụ nay, chúng tôi có thể trồng tiếp ngay một vụ khoai tây thứ hai. Hệ số nhân giống khoai tây qua 1 vụ trồng là 1: 4, nếu trồng liên tiếp

2 vụ thì hệ số này tăng lên khoảng 1:16. Phương pháp phá ngủ còn mở ra triển vọng trồng 2 vụ khoai tây liên tiếp ở các vùng núi phía bắc, một số vùng vành đai thực phẩm của các thành phố, khu công nghiệp. Để phục vụ các vành đai thực phẩm, ngoài các giống dưa hấu, dưa lê, dưa chuột, Viện còn đưa ra các giống cà chua số 1, số 2, số 7; giống củ cải ngắn ngày (45 ngày). Trong những giống này có nhiều giống đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Là một Viện nghiên cứu về giống và kỹ thuật canh tác các cây lương thực và cây thực phẩm, Viện có đất đai để làm vườn quả (táo), và cánh đồng để chăn thả vịt. Viện đã hợp tác với nhiều tỉnh, thành phố để phát triển các giống táo Thiện Phiến, Thái Lan. Các giống táo mới của Viện, như táo Gia Lộc, táo số 12, đang được đưa nhanh ra sản xuất. Viện đang cùng với một số địa phương xây dựng các vùng trồng táo lớn phục vụ đời sống, công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Cũng với mục đích này, Viện hợp tác với Viện chăn nuôi và một số địa phương, đã phổ biến kỹ thuật ghép lai giữa vịt Cổ và vịt Anh Đào, cho con lai đời F1, F2 đạt trọng lượng bình quân 1,8 kg ở tuổi 75 ngày (vịt Cổ chỉ có 1 - 1,1 kg).

Hiện nay, việc phổ biến các giống mới và kỹ thuật mới của Viện cây lương thực và cây thực phẩm đang được phát triển một cách có kế hoạch, do Viện đã ký kết hoặc có kế hoạch hợp tác với các viện, trường, các địa phương khác trong nước. Nhiều hợp tác xã thuộc các tỉnh, thành phố, dùng các giống lúa, ngô, táo... mới của Viện đã tăng năng suất 20 - 30% so với giống cũ. Việc phục vụ các vành đai thực phẩm được đẩy mạnh bằng cách đưa nhanh các giống cây thực phẩm của Viện vào cơ cấu cây trồng của các vùng này. Nhiều nơi đã trở thành các điểm nhân giống mới của Viện. Để giống được phát triển, phục vụ sản xuất trên diện tích lớn, Viện đã cung cấp cho sản xuất, cho Công ty giống cây trồng trung ương, từ hàng trăm đến hàng nghìn tấn hạt giống cây lương thực, hàng trăm kilogam hạt giống cây thực phẩm.

Trong quá trình đưa kết quả nghiên cứu của Viện vào thực tế sản xuất, chúng tôi thấy có điểm thuận lợi cơ bản là các kết quả nghiên cứu này đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất, nên được các địa phương tiếp thu nhanh chóng. Mặt khác, Viện và nhiều địa phương đã có kế hoạch hợp tác khá cụ thể, nên một số tiến bộ khoa học - kỹ thuật của Viện đã được triển khai có tổ chức, có chương trình cụ thể khi đưa vào sản xuất. Tuy nhiên, về phía Viện, do cơ sở vật chất phục vụ cho nghiên cứu còn yếu, số lượng cán bộ nghiên cứu còn thiếu về số lượng và đang trong quá trình nâng cao về chất lượng, nên đáng lẽ,



Thí nghiệm về giống cao lương ở Viện cây lương thực và thực phẩm phục vụ cho thâm canh tăng vụ (nhất là ở các tỉnh miền núi phía bắc và đồng bằng sông Cửu Long)

các thành tựu khoa học có thể có nhiều hơn và nhanh hơn, nhưng còn một số mặt bị hạn chế. Về khách quan, việc tổ chức và quản lý sản xuất ở một số địa phương còn chưa thật hợp lý và khoa học đã ảnh hưởng đến việc đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật của Viện vào sản xuất.

Để đẩy mạnh hơn nữa mọi công tác của Viện nhằm phục vụ sự phát triển của sản xuất nông nghiệp ở nước ta, Viện đã quy định cụ thể nhiệm vụ, chức năng của Ban giám đốc, Đảng ủy, các bộ môn nghiên cứu, các phòng nghiệp vụ, v.v... và của từng người (người phụ trách, kỹ sư chính thức, kỹ sư tập sự, nhân viên, công nhân kỹ thuật v.v...).

Trên cơ sở kiện toàn tổ chức, Viện tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ. Viện đề ra phương châm xây dựng Viện theo hướng chính quy và hiện đại. Công tác tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học cần chính quy, có phương hướng đúng, lâu dài, có kế hoạch hợp lý, có sơ kết, tổng

kết thành các công trình về lý luận và phục vụ thực tiễn. Về việc hiện đại hóa, trước tiên cần trang bị cho cán bộ nghiên cứu, và cả cán bộ nghiệp vụ, các tri thức hiện đại cần thiết, tác phong làm việc khoa học, v.v... đồng thời tranh thủ tìm mua các trang thiết bị hiện đại cho nghiên cứu khoa học. Viện đặt mục tiêu bồi dưỡng cho các cán bộ nghiên cứu thành những chuyên gia giỏi, chuyên sâu về từng cây trồng, có trình độ lý luận khá và sắc sảo về thực tiễn.

Trong khi tăng cường mọi mặt công tác. Viện đã đặt kế hoạch hợp tác với các viện chuyên ngành, các viện chuyên đề (về nông nghiệp); các viện, trường trong nước và nước ngoài. Các thí nghiệm về lúa, hợp tác giữa Viện cây lương thực và cây thực phẩm với Viện công cụ và cơ giới hóa nông nghiệp, Viện nông hóa thổ nhưỡng là một ví dụ. Các thí nghiệm này được tiến hành trên diện tích lớn tại Viện cây lương thực và cây thực phẩm, đồng thời trên cánh đồng của mấy hợp tác xã tại địa phương (là cơ sở thực nghiệm của Viện), tiến hành từ 3 - 4 vụ nay đã cho kết quả tốt. Nhiều thí nghiệm hợp tác với nước ngoài đã mang lại hiệu quả, như với Cộng hòa dân chủ Đức, Cu Ba, Viện lúa quốc tế (IRRI).

Gắn liền với các công trình nghiên cứu với thực tiễn là sức sống của Viện. Viện đã ký kết (hoặc có kế hoạch hợp tác) với nhiều địa phương như: Hải Hưng, Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hà Nội, Hải Phòng, Hà Sơn Bình, Hà Bắc, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Đà Lạt (Lâm Đồng), Kiên Giang... và nhiều huyện, hợp

tác xã khác. Nhiều tỉnh và thành phố đã nhận các thử nghiệm luân canh, tăng vụ; khảo nghiệm giống mới của Viện. Viện hợp tác với các địa phương nhằm xây dựng mạng lưới thí nghiệm rộng khắp, giúp Viện tăng cường hiệu quả của công tác nghiên cứu khoa học.

Về chương trình tiến bộ khoa học kỹ thuật, Viện chủ trì các Chương trình lúa gạo, ngô, cây có củ. Riêng đối với chương trình lúa gạo, qua hơn một năm xây dựng chương trình và thực hiện, nhiều địa phương - đặc biệt là nhiều tỉnh đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long - đã có những kết quả bước đầu về tăng năng suất lúa dựa trên điều kiện thực tế của mình (nhất là trong vấn đề thay đổi hợp lý hơn cơ cấu giống lúa). Chương trình lúa gạo về căn bản đã tập hợp được những người làm công tác về giống, kỹ thuật lúa và những ngành có liên quan; đã bước đầu thống nhất phương hướng, ý kiến trong công tác, đã thực hiện được một số việc làm tập thể phục vụ cho sản xuất lúa gạo. Chương trình lúa gạo mở ra nhiều triển vọng, cần được sự quan tâm đóng góp thiết thực hơn nữa của các cơ quan khoa học.

Nhân dịp kỷ niệm 10 năm hoạt động, do có một số thành tích nhất định trong nghiên cứu khoa học kỹ thuật và phục vụ sản xuất nông nghiệp, vừa qua, Viện cây lương thực và cây thực phẩm đã được Chính phủ tặng Huân chương Lao động hạng 3; riêng Trại nghiên cứu ngô sông Bôi (trực thuộc Viện), được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

MỘT SỐ Ý KIẾN...

(Tiếp theo trang 3)

phẩm (theo danh mục thống nhất đã được Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước hướng dẫn), đánh giá những thành tựu khoa học - kỹ thuật có đủ căn cứ kinh tế và khoa học - kỹ thuật để kiến nghị đưa vào sản xuất trong giai đoạn 1981 - 1985, đánh giá tình hình triển khai các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật và đánh giá tình hình tiềm lực khoa học kỹ thuật đã đạt được. Trên cơ sở đó, đề xuất mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch khoa học - kỹ thuật năm 1981 và 5 năm 1981 - 1985 để Hội đồng Chính phủ thông qua số kiểm tra cho kế hoạch 5 năm tới...

Tăng cường về mặt tổ chức cho các cơ quan quản lý khoa học - kỹ thuật, đặc biệt là các cơ quan quản lý khoa học - kỹ thuật ở các tỉnh, thành phố; hình thành bộ phận quản lý khoa học - kỹ thuật ở một số huyện và tiểu ban khoa học kỹ thuật ở một số hợp tác xã trên cơ sở những kinh nghiệm tốt có ý nghĩa thiết thực tại những điểm hình tiên tiến. Tránh lối hình thức, dập khuôn, không dựa trên nhu

cầu và tình hình thực tế.

Vấn đề hợp tác quốc tế về khoa học - kỹ thuật với việc mở ra các chương trình hợp tác nghiên cứu và xây dựng các cơ quan khoa học - kỹ thuật trong khuôn khổ các hiệp định nhiều bên của Hội đồng tương trợ kinh tế và hai bên với các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với Liên Xô, cần được quan tâm và đẩy mạnh, nhằm vào việc thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động khoa học - kỹ thuật năm 1980 và các năm sau.

Một số qui định, chế độ, chính sách về quản lý khoa học - kỹ thuật cần được ban hành sớm, đặt cơ sở pháp lý cho hoạt động này như qui định về kế hoạch hóa khoa học - kỹ thuật, về tổ chức - quản lý các chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật, về đánh giá và nghiệm thu các kết quả nghiên cứu, về ký kết hợp đồng nghiên cứu, về tổ chức và hoạt động của các cơ quan nghiên cứu - điều tra, về tổ chức các Hội đồng khoa học - kỹ thuật các cấp, về các biện pháp khuyến khích tinh thần và vật chất cho hoạt động khoa học - kỹ thuật v.v...